

DÂN TỘC DAO VỚI TẬP QUÁN SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ NGUỒN TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

NGUYỄN NGỌC THANH*

1. Tập quán sử dụng và quy ước bảo vệ đất đai

1.1. Sử dụng đất canh tác nương rẫy

Trong canh tác nương rẫy, công việc chọn rừng, chọn đất là quan trọng nhất. Đất tốt nhất cho canh tác nương rẫy là ở những cánh rừng già, vì có nhiều mùn do các lớp lá mục tích tụ lại, độ ẩm cao, cho phép gieo trồng được nhiều năm. Tuy nhiên, những cánh rừng già ở đầu nguồn nước, người Dao không bao giờ khai phá để trồng trọt. Theo họ, chọn sườn đồi, chân núi phía mặt trời mọc để làm nương là tốt hơn cả, như vậy cây trồng sẽ tốt tươi do có nhiều ánh sáng¹.

Để chắc chắn xem đất tốt hay xấu, khi đã chọn đám đất làm nương vừa ý, người Dao Đồ còn dùng gậy gỗ vót nhọn cắm xuống đất, nếu thấy đất dính vào gậy, đó là đất tốt, độ ẩm cao; với người Dao Áo dài, họ đào một hố sâu tính từ khuỷu tay đến đầu ngón tay trên mảnh đất đã chọn, nếu thấy toàn bộ chiều sâu của hố là tầng đất đen, thì nơi đó có thể trồng được từ 4 - 5 vụ, nếu hố có tầng đất đen 20 cm, bên dưới là đất vàng, thì trồng được 2 vụ, còn chỗ nào đào xuống chỉ thấy có 5 cm đất đen, chỉ trồng được 1 vụ.

Sau khi phát nương xong, người ta để phơi nắng khoảng một tháng rồi mới đến đốt. Trước khi đốt, theo kinh nghiệm để tránh cháy rừng, các gia đình thường làm đường cản lửa bằng cách tạo các khoảng trống xung quanh nương rộng từ 2-3m. Người ta chọn ngày nắng to, khô hanh, ít gió mới tiến hành đốt từ chân nương lên. Sau khi đốt xong, họ cho đất "nghỉ" từ 2 - 3 ngày, mục đích để nguội than dọn nương cho dễ. Dọn nương vất vả hay nhàn rồi đều phụ thuộc vào thời tiết, năm nào thời tiết xấu, mưa nhiều, đốt nương nhưng cây cối cháy không hết thì phải mất nhiều công dọn. Nhìn chung, đối với một nương mới khai phá đủ gieo 50 kg giống,

* Viện Dân tộc học

¹ Bế Viết Đăng, Nguyễn Khắc Tung, Nông Trung, Nguyễn Nam Tiến (1971), *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.71.

thì một người phải mất khoảng 60 ngày công. Đây là công việc của năm đầu, những năm sau chỉ chặt chồi cây, phạt cỏ là được.

Trước đây, nương rẫy người Dao Đỏ chỉ làm một vụ, thu hoạch xong bỏ hoá 7 - 10 năm. Khi rừng bắt đầu tái sinh họ lại quay về phát đốt, gieo trồng trên mảnh đất cũ. Hình thức này chỉ phù hợp khi mật độ dân số ở mức 5-10 người/km².

Ở người Dao Áo dài, chu kỳ làm nương lại phụ thuộc vào tầng đất màu nơi được chọn. Với nương loại 1, nơi có tầng đất đen 40 cm, họ sẽ canh tác 3 năm, sau bỏ hoá làm mảnh nương thứ hai, hết 3 năm lại quay lại. Nương có tầng đất màu 20 cm, chu kỳ lại là 2 năm và sáu năm sau mới quay lại, nương có tầng đất 5 cm, thì chu kỳ 1 năm, ba năm sau quay lại làm chỗ cũ.

Từ trước đến nay, người Dao thường tận dụng khá triệt để nguồn đất sản xuất, sau khi thu hoạch ngô, đồng bào tiếp tục trồng khoai lang, lạc, mạch ba góc, đỗ tương... Kỹ thuật trồng luân canh đã được họ biết đến từ lâu. Chẳng hạn, trên một mảnh nương, năm đầu tiên có thể họ trồng đỗ tương, năm thứ hai trồng khoai lang, năm sau nữa trồng lạc... Ngay trong việc trồng ngô cũng có sự luân canh tương tự như vậy, có thể vài năm trồng ngô sớm rồi chuyển sang trồng ngô muộn, vài năm trồng ngô nếp lại chuyển sang trồng ngô tẻ².

Hiện nay, việc canh tác nương rẫy ở người Dao đã giảm đi nhiều do đất rừng cạn kiệt, mất hết chất màu. Trên mảnh nương cũ, người Dao ở cả hai nhóm đã tận dụng khai phá thành ruộng bậc thang, ổn định cuộc sống, chấm dứt tình trạng du canh du cư. Đây cũng chính là giải pháp có hiệu quả mang tính bền vững cho cư dân vùng cao, đất dốc.

Bên cạnh ngô, khoai, sắn, người Dao còn trồng các loại rau xanh cung cấp nguồn thực phẩm cho bữa ăn hàng ngày và thường được trồng xen canh; chẳng hạn dưa chuột, bí đao trồng xen với ngô hoặc ngô trồng xen với sắn, khoai sọ. Còn các loại cây trồng khác như bí đỏ, mướp đắng thường trồng quanh ven nương. Ngoài ra, đồng bào còn có những mảnh nương chuyên canh, chủ yếu ở xung quanh nhà ở, nhưng lại rất thuận tiện cho sinh hoạt hàng ngày, đó là những nương chè, nương trồng rau cải và nương trồng vừng.

Biện pháp trồng xen này không những tận dụng tài nguyên đất, mà còn bảo vệ được đất, tránh xói mòn khi trời mưa, hạn chế tốc độ dòng

² *Sdd*, tr.69.

chảy, tăng thêm độ mùn cho đất vì xác các cây trồng sau khi chết bị thối rữa, hoặc bị đốt trôi xuống được cản lại sẽ làm tăng thêm độ phì cho đất.

Để bảo vệ đất, người Dao còn trồng chè trên sườn đồi. Kỹ thuật gieo trồng chè rất đơn giản, thường đồng bào trồng chè vào mùa xuân (tháng 3 - 4 âm lịch). Trên các triền đồi, triền dốc có nhiều cây cỏ mọc, chỉ cần phát quang chỗ cần đào hố rồi bằm nhỏ đất và tra hạt chè xuống, vùi đất lấp kín, cây chè mọc lên trong sự che chở của cây cỏ tự nhiên, nên tỉ lệ sống rất cao.³

1.2. Sử dụng đất làm nương hốc đá

Thổ canh hốc đá là hình thức trồng trọt trong hốc đá. Việc khai phá để làm nương thổ canh hốc đá cũng không khác mấy so với canh tác nương rẫy ở vùng đồi núi đất, tức là vẫn tuân thủ theo một quy trình khai thác đất đai truyền thống: chọn đất, chặt cây, đốt cỏ, nhưng tốn nhiều công sức hơn. Đối với loại nương này, người Dao cũng như một số dân tộc khác đều thâm canh cây trồng, chứ không quảng canh như nương ở vùng núi đất. Để giữ chất màu cho đất, người ta xếp đá thành bờ, thậm chí trong các khe, hốc nhỏ chỉ đủ trồng một cây ngô cũng được xếp đá ngăn ngừa sự xói mòn do tác động của mưa lũ, giữ được độ màu của đất, tạo điều kiện canh tác lâu dài.

Công cụ để canh tác có cày, cuốc, dao quắm và bừa bàn. Tùy theo từng địa hình, người Dao có cách làm đất để trồng trọt cho phù hợp. Ở những nơi có độ dốc không lớn lắm, trong đó có thể nhiều đá và rễ cây, họ vẫn dùng cày, bừa và sức kéo của gia súc. Còn những nơi gồ ghề, lởm chồm và quá dốc, không thể lợi dụng sức kéo để cày bừa được, họ mới dùng cuốc. Đất trồng đã được cày cuốc thường để ải một tháng; nhờ có mưa nắng, không khí gió sương ẩm ướt, nên đất khô ải rất nhanh. Theo kinh nghiệm để phơi ải như vậy, dưới tác động của sương muối, của các đợt giá rét đầu năm, sâu bọ đã bị tiêu diệt phần nào, trứng sâu bị huỷ hoại hạn chế sự phát triển và phá hoại của chúng đối với cây trồng. Khi gieo trồng trên những nương dốc, người Dao thường tra hạt từ trên xuống dưới cho đỡ công leo dốc vất vả.

Trên nương hốc đá, trồng xen canh, gối vụ đã trở thành nếp canh tác quen thuộc của người Dao. Cách trồng như vậy có nhiều tác dụng, vừa tận dụng hết khả năng của đất, luôn tạo ra một lớp phủ thực vật trên bề

³ Nguyễn Ngọc Thanh, *Các hoạt động kinh tế*, trong sách: Văn hóa truyền thống người Dao ở Hà Giang, Nxb Văn hóa Dân tộc, H, 1999, tr. 49.

mặt đất chống xói mòn, vừa thu hoạch nhiều loại cây trồng trong cùng một thời gian. Người ta trồng xen canh theo cách: trộn lẫn các hạt rau cải, rau dền, dưa chuột vào trong phân bón, rồi tra vào mỗi hốc ngô, sau đó lấp đất; khi ngô nảy mầm, các loại rau, dưa chuột cũng mọc; ngoài ra người Dao còn thích trồng các loại đậu xen với ngô. Hai cây trồng phụ, nhưng lại có vai trò quan trọng, trợ thời vào dịp "tháng 3 ngày 8" là kê và mạch ba góc được trồng gối vụ sau khi thu hoạch ngô.

1.3. Sử dụng đất làm ruộng bậc thang

Hình thức canh tác trên ruộng bậc thang xuất hiện ở vùng người Dao cách đây khoảng 60 - 70 năm. Lúc đó, việc khai phá để làm ruộng bậc thang rất ít, vì rừng còn nhiều. Hiện nay, chu kỳ canh tác nương rẫy ngày càng ngắn, đất cằn cỗi, hết phì nhiêu, thì canh tác ruộng bậc thang trở thành phổ biến. Chính điều này là nhân tố quan trọng giúp cho bản làng của người Dao định cư được lâu dài. Người Dao Áo dài cho rằng: "*Đào ruộng làm mấy đời, làm nương ba năm thì bỏ*". Theo quan niệm của người Dao, ruộng bậc thang là những mảnh đất được khai phá tạo thành mặt bằng, xung quanh đắp bờ ngăn nước trồng lúa. Để có mảnh ruộng như vậy, đồng bào phải bỏ nhiều công sức, tích lũy nhiều kinh nghiệm, hoàn thiện và nâng cao kỹ thuật trong các khâu tạo mặt bằng, đắp bờ ngăn giữ nước, v.v...

Nhu cầu làm ruộng đòi hỏi phải có nước, vì vậy công việc đầu tiên là tìm chọn đất ở những nơi gần nguồn nước để có thể chủ động việc tưới tiêu. Nơi chọn làm ruộng thường là những mảnh nương cũ mà gia đình trồng trọt từ nhiều năm, nay đã hết màu. Tùy theo địa hình ở từng nơi mà người ta có thể làm nương dẫn nước trước hoặc sau khi đã khai phá xong mảnh ruộng. Trước khi tiến hành cải tạo nương thành ruộng cần có sự tính toán khổ rộng của mảnh ruộng cũng như độ cao thấp của các thửa ruộng để khai phá cho đỡ tốn thời gian. Công cụ để khai phá ruộng hết sức đơn giản, chỉ có cuốc, cuốc chim và bừa gỗ. Bừa gỗ là một tấm ván dài 2m20, rộng 20 - 25 cm, ở giữa tấm ván người ta lắp cán, hai đầu ván có buộc dây cho hai người kéo bừa, còn cán bừa do một người khác cầm, cũng có gia đình dùng luôn chiếc bừa có răng bừa bằng gỗ rồi đóng ván gỗ lợi dụng sức trâu để ủi đất.

Theo tập quán, mảnh ruộng đầu tiên được khai phá bao giờ cũng ở phía trên cùng (lưng chừng đồi, núi). Người ta giữ lại các rừng cây ở bên trên đỉnh núi để giữ nước, lần lượt san, ủi đất từ phía trên xuống phía dưới. Để san đất, phải cuốc đất, xẻ núi, đánh gốc cây, mỗi năm làm 2 - 3

thừa, vì thế có những chân ruộng bậc thang phải 10 - 15 năm mới xong. Theo tính toán của người Dao Đỏ, một thửa ruộng ở chỗ dễ khai phá nếu gieo được 10 kg giống thì với gia đình có 3 lao động phải mất 50 công, còn ở chỗ khó làm từ 80 - 100 công. Sau khi đã tạo được mặt bằng, người ta mới tiến hành đắp bờ ruộng. Đất để đắp bờ ruộng được lấy từ thành bờ ruộng phía trên. Để giữ màu, người ta không bao giờ lấy đất ở trong ruộng. Bờ ruộng thường đắp rất nhỏ, chỉ vừa một bàn chân, nhưng lại có tác dụng trong việc giữ nước⁴.

1.4. Những qui ước về sử dụng đất đai

Với người Dao, ngoài khu cư trú bao gồm các nóc nhà thuộc về một dòng họ hay nhiều dòng họ, còn có đất đai canh tác (kể cả đất bỏ hoá, hưu canh), nghĩa địa, rừng núi, sông suối, đường đi lối lại... Tất cả những yếu tố đó hợp lại thành "đất làng". Ranh giới giữa các làng được hình thành và được truyền lại cho các thế hệ sau, mặc dù mang tính ước lệ, nhưng được mọi người tôn trọng. Như vậy, trên địa vực chung của làng đã được xác lập, mọi gia đình đều có quyền khai phá đất đai (trừ rừng đầu nguồn, rừng cấm), khi đã chọn được đất để trồng trọt họ khoanh chỗ đất đó lại, đồng thời cắm nêu⁵ báo hiệu đất đã có chủ. Nhìn thấy nêu

⁴ Căn cứ vào chất đất người Dao Đỏ phân biệt thành 5 loại đất chính

- Đất pha cát (*lèi phai dao*): là loại đất tốt nhất, thường trồng lúa, trồng đậu tương, đậu xanh...
- Đất sỏi pha cát (*lèi hoang dao*): cũng là loại đất tốt phù hợp với các loại cây trồng.
- Đất đen pha sỏi (*lèi dao chia*): nhiều mùn, trồng lúa là chính.
- Đất đỏ (*đào xi*): chỉ trồng sắn.
- Đất vàng (*lèi hoang dao vèn*): không trồng được bất cứ loại cây trồng nào.

Căn cứ theo độ cao thấp của chân ruộng bậc thang, người Dao chia ra 3 loại ruộng chính:

- Ruộng tốt (*lình lóng*): thường nằm khoảng giữa của dải ruộng bậc thang, khi trồng lúa sẽ mọc đều, hạt chắc, many.

- Ruộng trung bình (*lảm thang lình*): là những mảnh ruộng nằm gần phía đỉnh đồi, núi, gần nguồn nước suối, khe do đó nước đổ vào ruộng thường lạnh nên người Dao Đỏ còn gọi là ruộng nước lạnh (*vườn nảm lình*). Vì vậy, thường cấy lúa sớm và phải bón phân nhiều mới có thu hoạch.

- Ruộng xấu nằm ở cuối dải ruộng bậc thang, luôn thiếu nước, năng suất thấp.

Còn người Dao Áo dài phân biệt đất thành 3 loại chính⁴:

- Đất đen (*nì chá*): ở chỗ bằng chủ yếu trồng lúa.
- Đất đỏ (*nì xi*): tương đối tốt, thường trồng ngô, lúa.
- Đất lẫn sỏi (*đầu núi xi*): loại đất xấu, chuyên trồng sắn.

Người Dao thường nói đất lẫn sỏi trồng lúa không nên, đất đen trồng lúa sẽ lên tốt. Việc phân chia ruộng thành 3 loại ở người Dao Áo dài cũng giống như người Dao Đỏ. Xem Nguyễn Ngọc Thanh, *Các hoạt động kinh tế*, trong sách: Văn hóa truyền thống người Dao ở Hà Giang, Nxb. Văn hóa Dân tộc, H, 1999, tr. 55.

⁵ Nêu là một cọc gỗ trên gài lá gianh

người khác không được tự ý xâm phạm. Tuy nhiên, giá trị của cây nêu không phải là vĩnh viễn, mà giới hạn trong một thời gian nhất định. Theo qui định, cây nêu được cắm vào đầu mùa phát nương, hết thời điểm phát nương mà gia đình đó vẫn chưa khai phá đất đai thì coi như đất vô chủ, người khác có thể tiếp tục canh tác trên mảnh đất đó mà không phải chịu bồi thường. Trường hợp xảy ra tranh chấp mảnh nương đã được đánh dấu bằng cây nêu thì chính cây nêu đó lại là "vật chứng" quan trọng. Theo luật tục, nêu của ai cắm trên mảnh đất mà canh lá héo nhiều hơn đương nhiên là được cắm trước và mảnh đất thuộc về người đó. Luật tục cũng qui định trên mảnh nương đã canh tác, sau hai, ba vụ bỏ hoá thì vẫn thuộc về quyền chủ cũ. Ai có dụng ý chiếm đoạt phải tự giác trả lại cho chủ đất.

Ruộng bậc thang do từng gia đình tự khai phá mà có, vì vậy khi chủ gia đình qua đời, phần ruộng đó sẽ được chia đều cho các con trai. Những dòng họ cư trú từ lâu đời thường có ruộng họ, giao luân phiên cho gia đình nào chịu trách nhiệm giữ bàn thờ họ. Sản phẩm thu hoạch hàng năm được mang chi dùng cho cúng bái và sinh hoạt dòng họ.

Đất công do làng quản lý (đường xá, nghĩa địa, bãi chăn nuôi, v.v....) mọi thành viên trong cộng đồng đều phải có trách nhiệm gìn giữ, bảo vệ. Hàng năm vào đầu tháng hai Âm lịch theo qui định mỗi gia đình cử một người đi tu sửa đường sá trong làng. Ai làm hỏng đường bỏ công sức ra sửa chữa lại; đồng thời chịu phạt rượu, hiện nay mức phạt từ 50 - 100.000 đồng.

Người ngoài làng muốn đến cư trú, làm ăn sinh sống trên đất của làng nhất thiết phải hỏi ý kiến của *chầu con* hoặc *giăng chầu* (cả hai cụm từ này đều mang nghĩa chủ làng), ngày nay là trưởng bản, và giăng cổ (già làng), chỉ khi nào được chấp thuận gia đình đó mới được phép tới ở lâu dài và đương nhiên phải có lễ vật là 1 con gà và 1 chai rượu để cúng tế thần và tạ ơn dân làng. Luật tục còn qui định làng cho đất canh tác ở chỗ nào phải trồng trọt ở chỗ đó, không được tự ý đi tìm chỗ đất khác, và từ năm thứ hai trở đi phải nộp một phần sản phẩm thu hoạch được vào công quỹ của làng. Đối với các thành viên khác đã sinh sống lâu đời muốn khai phá thêm ruộng mới phải báo cho người đứng đầu làng biết, nếu không khai báo thì bị phạt bằng bạc nén⁶.

⁶ Nguyễn Ngọc Thanh, *Tô chức làng bản*, trong sách: Văn hóa truyền thống người Dao ở Hà Giang, Nxb. Văn hóa Dân tộc, H. 1999, tr. 158.

2. Tập quán về sử dụng, bảo vệ rừng và nguồn nước

2.1. Sử dụng các sản phẩm từ rừng và qui ước bảo vệ rừng

Người Dao là một trong những cư dân biết khai thác và sử dụng khá hiệu quả nguồn lợi từ rừng. Họ lấy gỗ để làm nhà, lấy củi để đun nấu, làm rào dậu...v.v..., ngoài ra, rừng còn là nơi cung cấp nguồn dược liệu (chủ yếu là cây thuốc). Không chỉ sử dụng sản phẩm của rừng, người Dao còn trồng rừng, nhất là các loại cây có giá trị kinh tế cao, có thể sử dụng làm thuốc chữa bệnh như thảo quả, quế, xuyên khung. Các loại cây này được người Dao Đỏ ở xã Tả Phìn, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai trồng với diện tích khá lớn. Tùy từng loại cây thuốc cũng như giá trị kinh tế của nó mà người Dao Đỏ duy trì, mở rộng hay thu hẹp diện tích trồng, họ có thể trồng thành từng khu rừng, ven nương rẫy, ven rừng hoặc trong vườn nhà⁷.

Sau khi đã chọn được giống tốt thì người ta mới chọn thời điểm trồng. Mùa xuân là mùa lý tưởng của gieo trồng. Vào mùa xuân hoặc vào những ngày trời mát kéo dài, kèm mưa nhỏ, đồng bào thường tiến hành gieo trồng các loại cây. Sau khi gieo hạt, vùi củ hoặc trồng cây giống xuống, gặp điều kiện thời tiết thuận lợi là cây có thể nảy mầm và phát triển. Có thể nói, kỹ thuật trồng các loại cây của người Dao còn đơn giản, chủ yếu là dựa vào kinh nghiệm truyền thống.

Việc thu hái cành lá để làm thuốc gần như quanh năm, còn những loại cây lấy củ thì để củ già mới thu hoạch. Các loại hoa thường được thu hái vào mùa cây ra hoa.

Việc bảo vệ rừng đã có từ lâu đời ở người Dao. Mọi thành viên sống trong cộng đồng làng đều có nghĩa vụ chấp hành triệt để, ai vi phạm phải chịu phạt theo qui định. Ở người Dao Đỏ, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang, vào ngày 15 tháng Giêng hằng năm, các chủ gia đình phải có mặt tại nhà Trưởng làng để họp bàn việc thực hiện qui ước. Việc đầu tiên là Trưởng làng công bố các khu vực rừng phải bảo vệ, sau đó là đọc các qui định cụ thể, chẳng hạn: mùa măng mọc cấm người trong làng lấy măng ở rừng tre, nứa, vầu. Thời gian cấm từ 20 tháng Giêng đến hết tháng Ba Âm lịch. Ai vi phạm lấy 1 cái măng phải nộp phạt 1 hào bạc trắng. Nhà nào có trâu, bò phải chăn dắt cẩn thận. Nếu để trâu, bò vào rừng làm đổ, gãy 1 cái măng phạt 3 hào bạc trắng.

⁷ Trần Hồng Hạnh, *Tri thức địa phương trong sử dụng thuốc nam của người Dao Đỏ* (Nghiên cứu xã Tả Phìn, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai), Tạp chí Dân tộc học 5 - 2002, tr. 23 - 30.

Ai đó cố tình phát đốt nương rẫy ở khu vực rừng đầu nguồn sẽ phải chịu hình phạt nặng. Trước đây, người phạm lỗi phải mổ một con lợn to mang đến nhà *chầu con*. Mỗi gia đình có một người đàn ông đến nhà *chầu con* để nghe ông ta công bố tội trạng của người đó. Người phạm lỗi xin lỗi các gia đình. Sau đó mọi người ở lại cùng dùng “bữa cơm tạ lỗi”. Hình thức xử phạt như mô tả trên đây vẫn đang còn áp dụng trong làng người Dao Đỏ ở xã Hồ Thầu, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang⁸.

Trước năm 1954, người Dao Đỏ ở Hồ Thầu còn có quy định: gia đình nào muốn lấy gỗ làm nhà phải đăng ký số lượng cây cần ngả với *chầu con* và chỉ được phép ngả cây theo đúng số lượng đã đăng ký, nếu quá cây nào, phải tính giá trị bằng tiền ở thời điểm đó mà nộp phạt.

Người Dao Áo dài ở làng Nậm Ai, xã Nam Sơn, Hoàng Su Phì cũng có qui ước tương tự, vào ngày 15 tháng Giêng, các chủ gia đình tập trung tại nhà Trưởng làng. Trước hết, Trưởng làng nhắc lại qui ước cũ và nếu cần bổ sung thêm điểm nào thì mọi người cùng thảo luận, bàn bạc. Sau buổi họp, những người tham dự có trách nhiệm truyền đạt lại cho tất cả thành viên trong gia đình biết. Cũng giống như người Dao Đỏ, mở đầu cuộc họp, Trưởng làng thông báo rõ những khu vực rừng cần bảo vệ, ai vi phạm đều chịu mức xử phạt từ nhắc nhở đến phạt bằng bạc trắng. Vào rừng lấy măng, nếu bị bắt, phải nộp phạt theo tỉ lệ 10 cái măng nộp 1 đồng bạc trắng. Người nào chặt cây ở rừng đầu nguồn cứ 1 cây to nộp 5 đồng bạc trắng, cây nhỏ 1 đồng bạc trắng.

Kể từ khi xây dựng hợp tác xã (1960), rừng và đất rừng do hợp tác xã và hạt kiểm lâm huyện quản lý, người Dao ở đây vẫn duy trì qui ước bảo vệ rừng theo truyền thống dân tộc. Đặc biệt từ năm 1986 đến nay, việc thực hiện giao đất giao rừng cho từng hộ quản lý đã phát huy tác dụng của các qui ước truyền thống, nhiều làng còn xây dựng qui ước thành văn bản phổ biến rộng rãi đến từng người dân. Tại xã Hồ Thầu, huyện Hoàng Su Phì, nơi đại bộ phận người Dao Đỏ cư trú, chính quyền ở đây, một mặt thực hiện nghiêm chỉnh qui ước bảo vệ rừng do Ủy ban nhân dân huyện soạn thảo, mặt khác, còn xây dựng qui ước riêng. Cụ thể là: người nào chặt một cây gỗ có đường kính từ 10 cm phạt 2.000đ, đào một củ măng phạt 2.000đ, chặt phá măng giang phạt 1.000đ, chặt một

⁸ Nguyễn Ngọc Thanh, *Hà Giang: Người Dao gìn giữ thượng nguồn*, Văn nghệ Dân tộc miền núi, Hội nhà văn Việt Nam 7/2000.

cây chuối rừng phạt 3.000đ, chặt phá song, mây phạt 10.000đ, ngoài ra tịch thu toàn bộ cây cối đã bị ngã chặt.

Ở người Dao, còn có những khu rừng cấm ở ngay cạnh làng, người Dao Đỏ gọi là *thìa kìm*, người Dao Áo dài gọi là *mèo gàng*. Theo quan niệm, đó là nơi thần rừng trú ngụ, rất linh thiêng, cấm mọi người không được vào rừng chặt cây cối, lấy củi. Ai vi phạm phải nộp một con lợn 50 kg để làm lễ cúng thần rừng. Lễ vật cúng được bày biện trong miếu ở giữa rừng. Sau lễ, mang về nhà già làng, lúc này các chủ hộ ngồi nghe già làng công bố lý do, người vi phạm đứng lên xin lỗi và hứa không phạm sai lầm. Cuối cùng, mọi người cùng nhau ăn uống. Theo tục lệ, vào mùng Một tết Nguyên đán hằng năm, các chủ hộ tới khu rừng cấm để sửa miếu. Cũng hôm đó, già làng nhắc nhở mọi người về các qui ước của làng.

2.2. Qui ước bảo vệ nguồn nước

Đối với nguồn nước phục vụ cho sản xuất gồm những con mương nhỏ chạy men sườn núi do cả cộng đồng làng cùng chung sức làm, hằng năm vào đầu tháng 4 Âm lịch, trước mùa cày cấy, theo qui định, tất cả những người đến tuổi lao động đều phải có trách nhiệm đi tu sửa mương. Tuy nhiên, để dễ quản lý và thuận tiện cho sử dụng nguồn nước, ngay trong nội bộ cộng đồng thỏa thuận, nếu mương dẫn nước chảy qua 3 - 4 nhà ở gần nhau, thì những nhà đó phải thường xuyên bảo vệ, tu sửa. Việc phân chia và sử dụng nguồn nước cũng theo một nguyên tắc nhất định. Sự phân chia này thể hiện như sau:

Nếu 3 nhà cùng chung một dải ruộng bậc thang, thì nước được chia theo thể thức: ruộng nhà nào ở phía gần nguồn nước hơn thì cửa dẫn nước không được phép mở rộng quá 25 cm, nhà thứ hai được mở gấp đôi nhà thứ nhất và nhà thứ ba mở gấp đôi nhà thứ hai.

Nếu 3 hoặc 4 nhà cùng có ruộng bậc thang ở gần nhau trên một sườn đồi và chung mương dẫn nước, thì việc mở đường lấy nước vào ruộng phải chia đều nhau, để đảm bảo sự công bằng thường người ta lấy một tấm ván gỗ dài 2 m rồi cất các cửa lấy nước có kích thước bằng nhau, từ chỗ cửa lấy nước đó từng gia đình tự khơi thông nước vào ruộng nhà mình.

Trường hợp 3 - 4 nhà cùng chung một dải ruộng bậc thang, muốn dẫn nước vào ruộng, nhưng lại không có chỗ để làm đường dẫn nước, thì những nhà có ruộng nằm ở phía dưới phải dẫn nước nhờ ruộng của nhà trên và cũng theo nguyên tắc nhà có ruộng trên cùng trở đường dẫn nước

nhỏ, các nhà phía sau trở cửa nước to hơn. Việc chia nước như vậy bao giờ cũng có sự chứng kiến của Trưởng làng⁹.

Đối với nguồn nước sinh hoạt, cuối năm mỗi nhà cử một người đi tu sửa, khơi dòng lấy nước ở đầu nguồn. Người Dao có qui ước nếu ai thả súc vật chết vào nguồn nước ăn, bắt được, người đó phải làm lại máng nước, và khơi nguồn nước khác cho người bị hại. Họ cũng qui định không được chôn cất người chết gần nguồn nước, điều này đã được nhắc nhở qua câu thành ngữ: chôn người chết gần nguồn nước thì nước bẩn (*mất tư pò lấp ăn vòm cón*). Hiện nay, người Dao Áo dài ở xã Nam Sơn, Hoàng Su Phì đã đề ra mức phạt: đối với những người làm hư hỏng nguồn nước tưới tiêu thì phải tu sửa lại, tùy theo mức độ gây thiệt hại mà nộp phạt từ 50.000đ đến 100.000đ. Ai gây ô nhiễm, làm hỏng nguồn nước ăn thì chịu trách nhiệm tu sửa và nộp phạt từ 50.000đ đến 100.000đ.

Cũng theo qui ước, sông, suối chảy qua địa phận làng nào thuộc quyền quản lý của làng đó. Nguồn lợi thủy sản (tôm, cua, cá, v.v...) mọi người đều được hưởng, nhưng phải tuyệt đối tuân thủ qui định của làng. Cấm dùng hình thức giết cá bằng lá độc, thuốc độc. Người nào vi phạm, theo độ dài của dòng chảy mà nộp phạt, cứ 1m nộp 5 kg thóc (hiện nay tính bằng tiền là 5.000đ), đồng thời người đó phải kiểm điểm trước dân làng. Những năm gần đây, hiện tượng dùng mìn, dùng điện giết cá hàng loạt đã xảy ra. Để ngăn chặn tình trạng đó, người Dao Đỏ ở Hồ Thầu, Hoàng Su Phì có qui ước cấm người đánh bắt cá bằng mìn, điện. Ai cố tình vi phạm bị phạt 50.000đ. Ở người Dao Áo dài người nào vi phạm phải kiểm điểm trước dân làng và phải trả 5000đ cho những người đến dự họp; sau buổi họp đó phải lao động công ích 3 ngày, đồng thời nộp phạt 200.000đ. Làng còn có suối nước cấm, nghiêm cấm sử dụng các hình thức đánh bắt cá ở chỗ có nhiều cá giống, người nào vi phạm phải nộp 20 kg thóc, một con lợn 30 kg.

Nhìn chung, dân tộc Dao là tộc người có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, họ biết tận dụng địa hình tự nhiên, cải tạo chúng bằng hình thức làm ruộng bậc thang, thổ canh hốc đá. Mặc dù vẫn còn canh tác nương rẫy, nhưng đã chú trọng đến việc chống xói mòn, giữ độ màu của đất để canh tác lâu dài.

⁹ Nguyễn Ngọc Thanh, *Các hoạt động kinh tế*, trong sách: Văn hóa truyền thống người Dao ở Hà Giang, Nxb. Văn hóa Dân tộc, H, 1999, tr. 57.

Các quy ước của người Dao phần lớn đều tập trung chú ý đến bảo vệ các nguồn tài nguyên (đất, rừng, nguồn nước). Các quy ước này đến nay vẫn tồn tại trong cộng đồng người Dao và được người dân tự nguyện chấp hành./.

Tài liệu tham khảo

1. Bế Viết Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung, Nguyễn Nam Tiến (1971), *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Trần Hồng Hạnh, *Tri thức địa phương trong sử dụng thuốc nam của người Dao Đỏ* (Nghiên cứu xã Tà Phình, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai), Tạp chí Dân tộc học 5 - 2002, tr. 23 - 30.
3. Phạm Quang Hoan, Hùng Đình Quý (chủ biên), Lý Hành Sơn, Nguyễn Khắc Tụng, Vương Xuân Tinh, Nguyễn Ngọc Thanh (1999), *Văn hoá truyền thống người Dao ở Hà Giang*, Nxb Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Thanh, *Làng bản và nghi lễ của người Dao Đỏ ở một xã miền núi*, Tạp chí Dân tộc học, số 1 - 1998, tr. 11-16.
5. Nguyễn Ngọc Thanh, *Hà Giang: Người Dao gìn giữ thượng nguồn*, Văn nghệ Dân tộc miền núi, Hội nhà văn Việt Nam 7/2000.
6. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia (1998), *Sự phát triển văn hoá xã hội của người Dao: Hiện tại và tương lai* (Kỷ yếu hội thảo), Hà Nội.
7. Nguyễn Khắc Tụng, *Trở lại vấn đề phân loại các nhóm Dao ở Việt Nam*, Tạp chí Dân tộc học, số 3 - 1997, tr. 30 - 37.
8. Vũ Hải Vân, *Thực trạng vấn đề sử dụng tài nguyên của người Dao ở xóm Mít, xã Tu Lý, huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình*, Báo cáo khoa học tại hội thảo: "Các dân tộc thiểu số trong môi trường chuyển đổi", từ 9 đến 15 -12 - 1998 tại Chiang Mai, Thái Lan.